

DƯƠNG KHÂU LUÔNG - NGƯỜI GIỮ LỬA BẢN HON

HOÀNG ĐIỆP *

Tóm tắt: Dương Khâu Luông là một nhà thơ tiêu biểu của thơ ca Bắc Kạn thời hiện đại, có ảnh hưởng lớn đối với văn học dân tộc miền núi. Hiếm có nhà thơ dân tộc nào sáng tác nhiều thể loại như vậy: thơ tiếng Việt, thơ tiếng Tày, thơ song ngữ Tày - Việt, thơ người lớn, thơ thiếu nhi, thơ bjoóc mạ (một thể thơ sáng tạo mới của Dương Khâu Luông),... và ở mỗi thể loại anh đều có những thành công đáng ghi nhận. Các sáng tác của Dương Khâu Luông đều chan chứa tình yêu, niềm tự hào về quê hương, làng bản, về những giá trị văn hóa giàu bản sắc dân tộc Tày.

Từ khóa: Bản Hon, Dương Khâu Luông, người giữ lửa.

Abstract: Duong Khau Luong, a typical poet of modern Bac Kan poetry, has a great influence on mountainous ethnic literature. Rarely is there any national poet who composes so many genres: Vietnamese poetry, Tay poetry, Tay-Vietnamese bilingual poetry, adult poetry, children poetry, bjooc ma poetry (a new creative poetry form of Duong Khau Luong), etc., and in each genre, he has had remarkable successes. Duong Khau Luong's compositions are filled with love and pride for his homeland, his village, and cultural values rich in Tay ethnic identity.

Keywords: Ban Hon, Duong Khau Luong, fire keeper.

1. Mở đầu

“Tôi sinh ra bên bếp lửa nhà sàn

Tiếng khóc đầu tiên tôi cất lên bên bếp lửa

Bên bếp lửa

Mẹ cắt rốn cho tôi

Nồi nước tắm lá thơm lửa đun ấm cho tôi

Xoong bột đầu tiên lửa đun chín cho tôi

Tôi tập lẫy, tập bò, tập đi bên bếp lửa...”

(Lửa ấm Bản Hon)

Những câu thơ ấm áp xuất hiện ngay đầu tập thơ *Lửa ấm Bản Hon* đã thay lời giới thiệu khái quát nhất về nhà thơ Dương Khâu Luông - người con của dân tộc Tày sinh ra và lớn lên tại Bản Hon, nơi có con sông Năng, thác Đầu Đẳng, động Puông, núi Phja Bjoóc, ... - cũng là nơi đầu nguồn của hồ nước ngọt tự nhiên, chứa đầy huyền thoại: hồ Ba Bể. mảnh đất Bắc Kạn là nơi có truyền thống văn hóa lâu đời của các cộng đồng dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc Tày nói riêng, đã là nguồn cội chấp cánh và nuôi dưỡng tình yêu thi ca đối với nhà thơ.

Xuyên suốt hành trình sáng tạo nghệ thuật, Dương Khâu Luông luôn khắc tâm về câu nói của dân tộc mình: *“Lắc mạy tẻn, lắc cần lỉ”* - nghĩa là *“Rễ cây thì ngắn, tình người thì dài”*, cho nên đối với nhà thơ: *“Tác phẩm văn chương cũng vậy, có sống được hay không là do chính cái tình của nó. Cái tình của tác phẩm lớn thì sẽ đến được*

* TS - Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên; Email: dieph@tnue.edu.vn

với nhân loại”. Với Dương Khâu Luông, sáng tác trước hết là để chia sẻ tâm tư, tình cảm với mọi người, sau là để góp phần lưu giữ bản sắc văn hóa Tày, làm cho diện mạo văn hóa Tày nói riêng và văn học dân tộc thiểu số nói chung trở nên phong phú và đa dạng: “*Thế giới cùng hội nhập rộng to/ Tôi và anh chỉ đắp cái bờ ruộng nhỏ/ Để bản ta dễ bàn chân bước/ Cùng đi chăm cho lúa tốt được mùa*” (Cái bờ ruộng).

2. Nội dung

2.1. Đôi nét về tác giả Dương Khâu Luông

Mỗi nhà thơ trên hành trình tìm đến những sáng tạo nghệ thuật đều có khả năng thể hiện một cách hữu hiệu nhất “*bản sắc tư duy, chiều sâu tư tưởng và khả năng thâm nhập thực tế*” của mình. Dương Khâu Luông cũng không nằm ngoài quy tắc tư duy hữu hiệu đó, thuộc thế hệ thơ thứ ba trong đội ngũ các nhà thơ dân tộc Tày như: Nông Quốc Chấn, Nông Minh Châu, Nông Việt Toại, Y Phương, Ma Trường Nguyên, Dương Thuấn, Triều Ân, Mai Liễu,... ngay từ những tìm tòi thử nghiệm đầu tiên khi cầm bút, nhà thơ đã không ngừng trau dồi kinh nghiệm, bền bỉ kiếm tìm, đam mê sáng tạo để xây dựng cho mình những bước đi riêng điềm tĩnh, tự tin trong nền văn học dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại. Quá trình sáng tạo nghệ thuật đó được khẳng định bằng 11 tập thơ và vinh dự nhận 08 giải thưởng văn học: Giải Nhì thơ Báo Thiếu niên Tiền phong - Hội Nhà văn Việt Nam (2001); giải B (không có giải A) của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam cho tập thơ thiếu nhi *Gọi bờ về chuồng* (2003); giải C của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam cho tập thơ tiếng Tày *Dám kha cần ngắm điệp* (2006); giải B (không có giải A) Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam cho tập thơ *Bắt cá ở sông quê* (2006); giải Khuyến khích của Hội Văn học nghệ thuật

các dân tộc thiểu số Việt Nam cho tập thơ thiếu nhi song ngữ *Co nghịu hươ cần - Cây gạo giúp người* (2008); giải Khuyến khích của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam cho tập thơ *Lửa ấm Bản Hon* (2012); giải B (không có giải A) của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam cho tập thơ song ngữ *Phác noọng dú tin phạ quây - Gửi em ở phương trời xa* (2016) và *Lặng lẽ mùa hoa mạ - Cỏi Dằng sli bjoóc mạ* (2017) được viết theo thể thơ “*bjoóc mạ*” đạt giải C của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam;... Đặc biệt bằng tình yêu vô bờ với tiếng mẹ đẻ - tiếng dân tộc Tày, nhà thơ cũng đã sáng tác những bài thơ song ngữ Tày - Việt và để lại dấu ấn đặc biệt trong nền thơ ca các dân tộc thiểu số Việt Nam. Nhà thơ Lò Ngân Sủn [3] trên diễn đàn Tạp chí Văn nghệ Ba Bể đã viết: Dương Khâu Luông “*từ một ngòi bút Bắc Kạn tiềm tàng nội lực, có triển vọng, mới đang ở dạng khao khát, như hoa chớm nở, như mưa khẽ rơi, như lửa mới bén, như máng nước ngày đêm nhỏ nhẹ chảy vào chum vại nhà sàn, Dương Khâu Luông đã khắc phục tiếng thơ còn thiếu sức nặng, sức bật và khẳng định được một lối đi riêng, một hồn thơ trong trẻo, tươi mới, kiệm chữ, chất lọc ngôn từ, nói ít, gọi nhiều...*” càng khẳng định niềm say mê và thành công của Dương Khâu Luông trên con đường mà anh đã chọn.

Chẳng như ở quê tôi trên núi

Chưa một lần biết gọi tên nhau

Nhưng gặp nhau là thành bạn quý

(Người miền núi)

Cảm hứng bất tận về thiên nhiên, về con người, về cuộc sống sinh hoạt nơi Bản Hon, về những giá trị bản sắc văn hóa trường tồn của dân tộc Tày đã trở thành nguồn thơ phong phú và đa dạng trên con đường sáng tạo nghệ thuật bền bỉ không mệt mỏi của Dương Khâu Luông.

2.2. Dương Khâu Luông và hành trình kiến tạo những giá trị văn hóa

Dương Khâu Luông đến với thơ cũng tự nhiên và giản dị như chính phong cách sống của anh vậy. Thơ của Dương Khâu Luông không chỉ thể hiện vẻ đẹp mộc mạc thuần khiết của quê hương, làng bản mà nếp sinh hoạt bình dị chất phác của đồng bào Tày với những miền ký ức trong trẻo về thời thơ ấu cũng được hiện lên vẹn nguyên qua những cung bậc xao xuyến, hồn hậu đã ghi dấu trong những trang viết của anh:

Ngôi nhà sàn bốn mái ở đầu Bản Hon

Chính là nhà tôi đó

Nơi tôi đã sinh ra từ nhỏ

Nơi đi khắp phương trời không nguôi nỗi nhớ thương.

(Ngôi nhà sàn ở Bản Hon)

Là người con của dân tộc Tày, lớn lên trong “ngôi nhà sàn bốn mái ở đầu Bản Hon”, Dương Khâu Luông luôn trân quý nơi đã sinh ra và nuôi dưỡng mình, “nơi đi khắp phương trời không nguôi nỗi nhớ thương”. Đối với Dương Khâu Luông, ngôi nhà sàn là một nét văn hóa đặc sắc của người dân tộc, được dựng lên bằng chất liệu là gỗ, tre, nứa, lá cọ,... những cây gỗ nghiêng thật chắc, thật khỏe được làm cột, làm khung nhà và cầu thang; sàn nhà bằng gỗ ván hoặc những cây tre già; mái nhà được lợp bằng lá cọ hoặc cỏ tranh, những tấm mái nhà được kết nối với nhau bằng những sợi lạt mềm từ cây giang, cây nứa. Nhà sàn được tạo dựng từ chính sự khéo léo, tỉ mỉ và sự chung tay chung sức của anh em, họ hàng, dân làng trong bản. Tùy theo mỗi gia đình, ngôi nhà sàn có thể có ít hay nhiều gian để phù hợp nhu cầu sử dụng: gian bếp, gian để thóc lúa, gian để ở,... Số lượng gian nhà thường là số lẻ: 3, 5, 7,... gian. Không gian nhà sàn được thiết kế rất hợp lý,

phù hợp với từng lứa tuổi và một điểm chung là bếp lửa chính thường được đặt ở giữa nhà. Đây chính là không gian sinh hoạt chung của cả gia đình và là nơi lưu giữ truyền thống của các thế hệ. Xung quanh nhà là dãy hành lang, có lan can bằng gỗ hoặc các thanh tre. Mỗi nhà đều có một sân bên cạnh nhà để làm sân phơi thóc, lúa và là nơi vui đùa của trẻ con. Cầu thang lên nhà sàn bằng gỗ và gồm có “*chín bậc núi rừng chín bậc nghiêng nghiêng/ tuổi ấu thơ ta lớn lên ở đó*”, tượng trưng cho chín vía của người phụ nữ Tày trong ngôi nhà. Dương Khâu Luông luôn đặt tình yêu lớn của mình nơi ngôi nhà sàn ấy, “*lửa ấm Bản Hon*” được thắp lên và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, là biểu tượng đẹp không chỉ với riêng anh mà còn là “sức sống tiềm tàng” của những con người miền núi:

“Đêm nay con ngủ ở nhà mình

Căn nhà sàn chính tay cha dựng

Đắp chặn bông thổ cẩm

Quay bên nào cũng ấm

Thở bên nào cũng thơm...”

(Tiếng quay sa của mẹ)

Bằng lời cảm nhận tinh tế của một tâm hồn đa cảm, Dương Khâu Luông khao khát được làm sống dậy không phải chỉ là bức tranh đẹp về thiên nhiên, làng bản mà còn là cả sự sống của con người. Anh đã mang vào trong thơ của mình cả một thế giới nội tâm dạt dào cảm xúc, cảnh và tình, chủ thể và khách thể trữ tình luôn hòa quyện, dồn nén trong những câu chữ:

“Nghe tiếng chim

Dòng suối như trong hơn

Cành lá như xanh hơn

Da trời như xanh thêm”

(Tiếng chim)

Bản sắc văn hóa dân tộc Tày được Dương

Khâu Luông đưa vào trong thơ là cách cảm cách nghĩ, là lời ăn tiếng nói chân chất, hồn hậu dễ mến của con người miền núi...:

*“Bản nhà bốn mái
Mở xòe cánh vui
Cầu thang luôn đợi
Bè bạn đến chơi”*

(Bản tôi)

Dương Khâu Luông viết về cái bình yên bằng chính cái không bình yên, những nỗi nhớ, những niềm thương nơi quê nhà luôn làm cho nhà thơ day dứt, trăn trở: trăn trở trước sự đổi thay theo hướng đô thị hóa của quê hương miền núi; trăn trở khi cuộc sống nơi thành thị ngày càng nhiều tiếng ồn, những con sông đầy rác, những công viên không đủ cây xanh cho những con thú trú ngụ;...

*“Đất ruộng rẫy vườn ngày thêm chật
Đồng vắng thưa dần tiếng ếch kêu”*

(Về bản)

Tình yêu với quê hương, trách nhiệm với cộng đồng, làng bản thấm đượm trong thơ Dương Khâu Luông và được tái hiện bằng những nỗi buồn sâu thẳm. Khi đi xa thì day dứt khôn nguôi:

*“Bây giờ xa rừng ra ở phố
Sáng sáng thức dậy ta lại nhớ
Nơi ấy miền rừng đanh xanh tiếng chim”*

(Tiếng chim)

Đọc thơ anh, nhiều khi ta ngỡ như không còn đối diện với một nhà thơ, với những câu thơ, mà đơn giản chỉ là đang đứng trước một con người bị dày vò bởi những niềm thương nỗi nhớ, về những giá trị vững bền của đời sống tinh thần dân tộc bị mai một:

*“Cả bản còn một mái nhà sàn
Các nhà khác đã hạ làm nhà thấp*

...

Tôi bỗng hiểu căn nhà sàn đó

Như cái áo chàm xanh còn chiếc cúc cuối cùng”

(Căn nhà còn lại)

Để rồi nhà thơ giật mình:

*“Bùng tỉnh con đang giữa phố phường
Quay bốn mặt
Thừa âm thanh
Ồn ả*

Nhưng thiếu tiếng quay sa của mẹ

Tiếng kéo chỉ của mẹ

Đâu rồi tiếng ống tre xoay?”

(Tiếng quay sa của mẹ)

Chính vì lẽ đó, nhà thơ nhớ về những lời cha dặn xa xưa: vào mùa xuân đi trồng cây chuối để cây mọc nhanh, cho sai quả, cho chim tìm về và những cách cất hạt giống cho gieo hạt những mùa sau:

*“Từ ngày đó cứ mỗi độ xuân về
Lên núi trồng cây chuối*

...

Cây mọc nhanh xanh lá, chim tìm về

Nhanh rộng khóm trở buồng, sai quả...

Tôi bỗng nhớ lời cha khéo dặn”

(Lời cha dặn)

Gắn bó với cội nguồn, với truyền thống dân tộc, Dương Khâu Luông luôn ý thức trân trọng những giá trị bền vững của đời sống tinh thần dân tộc. Cho đến nay, Dương Khâu Luông đã và sẽ tiếp tục đi xa hơn nữa trên con đường mà anh đã chọn, định hình cho mình một dấu ấn phong cách: giản dị và chân thành, mộc mạc và trong trẻo, có cái trong lành mát mẻ của nước hồ Ba Bể, có cái xanh non, tươi mới của núi rừng miền núi, có cái tình nghịch đáng yêu của trẻ nhỏ và lấp lánh vẻ đẹp nhân văn của tâm hồn con người giữa bao đổi thay của bộn bề cuộc sống:

“Đêm nay em về nơi củi nghiêng

Lửa cháy ấm đêm thao

Anh quay về

Cát nổi nhớ vào đâu?”

(Nhớ em)

Tất cả những chi tiết vùng miền, những dấu ấn cá nhân được Dương Khâu Luông chất lọc, mài sáng và trở thành phương tiện chuyên chở tình cảm được bộc lộ rõ nét qua từng con chữ. Cách nói, cách viết, cách so sánh ví von gần gũi với lối tư duy của người dân tộc Tày: vừa mộc mạc, giản đơn nhưng lại vô cùng sâu lắng. Phương diện nghệ thuật ngôn từ ấy chịu sự tác động bởi bản chất con người thanh nhã, bình dị; bởi cuộc sống gắn bó với thiên nhiên, núi rừng và con người của làng bản và cũng bởi nét văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc Tày.

Luôn ý thức trân trọng những giá trị vững bền của đời sống văn hóa, của tinh thần dân tộc, trong thơ Dương Khâu Luông, dù đối tượng và mạch cảm xúc sáng tác có thay đổi theo thời gian nhưng giọng điệu thơ vẫn luôn giữ được sự trong sáng, thanh khiết như hòn núi. Chính vì thế, thơ anh luôn dễ đọc, dễ hiểu, gần gũi và vô cùng thân thuộc:

“Cuộc sống thường thường có vay, có trả

Con hãy học cây nghiêng, cây lim

Gập ghềnh đá vẫn đứng lên kiêu hãnh

Đón khí trời nuôi lá xanh cây

Cành vươn cao vẫy gió chín tầng mây”

(Con đã lớn)

Dương Khâu Luông là cây bút có tiềm năng sáng tạo dồi dào: “*Đọc Dương Khâu Luông, ta cảm được vị ngọt của niềm vui trong khóe mắt, vị đắng nước mắt ở đầu môi. Đó là kết quả của sự quan sát chất lọc, chiêm nghiệm và cao cả hơn là sự hòa đồng của một tấm lòng trong vạn tấm lòng. Đây là mặt mạnh trong thơ Dương Khâu Luông: Nói ít, gợi nhiều*” [2, tr.435]:

“Ở trên đời ai cũng có con đường đi

*Con đường rậm rạp hay quang do tay
mình tự phát*

Con đường đo đi cho đến ngày nhắm mắt

Ở trên đời không có con đường để bước

Khác gì như nước chảy trong ao”

(Con đường đi)

Để có được thành công đó, Dương Khâu Luông không chỉ trông cậy vào phương diện của từ ngữ, của tư duy thông thường mà còn là bề dày của vốn sống, vốn hiểu biết và chất say của thơ. Chính điều đó đã tạo nên sắc thái riêng không dễ lẫn của ngòi bút Dương Khâu Luông trên hành trình sáng tạo nghệ thuật của mình.

3. Kết luận

Từ những câu thơ đầu tay in trên báo *Văn nghệ Bắc Kạn* cho đến những tập thơ đạt giải thưởng trong những năm gần đây, người đọc vẫn nhận ra những rung động tha thiết, những điệp khúc ngân vang trong hành trình sáng tạo nghệ thuật không bao giờ cũ. Bằng vốn kiến thức dân gian dân tộc sâu sắc đã giúp Dương Khâu Luông đến gần hơn với độc giả, anh đã góp một giọng điệu riêng trong nền thơ ca các dân tộc thiểu số, những trang thơ của anh sẽ còn in dấu với thời gian, không gian của núi rừng Tây Bắc: “*Lớn lên đi chín phương, mười ngả/ Vẫn nhớ về lửa ấm Bản Hon/ Tháng ngày xa lửa cháy trong tim*” (Lửa ấm Bản Hon).

Nhà thơ Dương Khâu Luông đã - đang - sẽ và mãi là người giữ lửa Bản Hon trên hành trình kiến tạo những giá trị văn hóa dân tộc Tày.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dương Khâu Luông, *Lửa ấm Bản Hon*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012.
- [2] Nhà văn Dân tộc thiểu số Việt Nam, *Đời và văn*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2003.
- [3] Lò Ngân Sùn, “Vài nét về thơ Bắc Kạn qua trải sáng tác năm 2001”, *Văn nghệ Ba Bể*, số 5, 2001.